

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đáp án - thang điểm gồm 02 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1		Định khoản các nghiệp vụ: (Đơn vị tính: đồng)	
	1/	a/ Nợ TK 1521 288.000.000 (12.000 x 24.000) Nợ TK 1331 28.800.000 (288.000.000 x 10%) Có TK 331 316.800.000	0,2
		b/ Nợ TK 331 2.880.000 (288.000.000 x 1%) Có TK 1521 2.880.000	0,2
		c/ Nợ TK 1521 5.280.000 Nợ TK 1331 528.000 Có TK 1111 5.808.000	0,2
		ĐG NVL C = (288.000.000 + 5.280.000 - 2.880.000) : 12.000 = 24.200 đ/kg	0,2
	2/	a/ Nợ TK 1522 24.200.000 (2.200 x 11.000) Nợ TK 1331 1.210.000 (24.200.000 x 5%) Có TK 1121 25.410.000	0,2
		c/ Nợ TK 1521 1.760.000 (1.936.000 : 1,1) Nợ TK 1331 176.000 (1.760.000 x 10%) Có TK 1111 1.936.000	0,2
		ĐG NVL P = (24.200.000 + 1.760.000) : 2.200 = 11.800 đ/kg	0,2
	3/	Nợ TK 621 262.900.000 (1.500 x 22.000) + (9.500 x 24.200) Có TK 1521 262.900.000	0,4
	4/	Nợ TK 621 26.880.000 (800 x 10.000) + (1.600 x 11.800) Nợ TK 627 1.180.000 (100 x 11.800) Có TK 1522 28.060.000	0,4
	5/	Nợ TK 627 3.000.000 (18.000.000 : 6) Nợ TK 242 15.000.000 Có TK 153 18.000.000	0,2
	6/	Nợ TK 627 4.500.000 Có TK 242 4.500.000	0,2
	7/	Nợ TK 622 150.000.000	0,2

	Nợ TK 627 50.000.000 Có TK 334 200.000.000	
8/	Nợ TK 622 35.250.000 (150.000.000 x 23,5%) Nợ TK 627 11.750.000 (50.000.000 x 23,5%) Nợ TK 334 21.000.000 (200.000.000 x 10,5%) Có TK 338 68.000.000 (200.000.000 x 34%)	0,4
9/	NG = 79.200.000 : 1,1 = 72.000.000	0,2
	Mức KH tháng = 72.000.000 : 60 = 1.200.000 đ/tháng	0,2
	Nợ TK 627 6.200.000 (5.000.000 + 1.200.000) Có TK 214 6.200.000	0,2
10/	Nợ TK 627 9.000.000 (9.900.000 : 1,1) Nợ TK 1331 900.000 Có TK 1111 9.900.000	0,2
11/	a/ Nợ TK 621 (2.000.000) Có TK 1521 (2.000.000)	0,2
	b/ Nợ TK 1522 1.000.000 Có TK 621 1.000.000	0,2
	c/ Nợ TK 1528 500.000 Có TK 154 500.000	0,2
	d/ Nợ TK 154 557.660.000 Có TK 621 286.780.000 Có TK 622 185.250.000 Có TK 627 85.630.000	0,4
12/	Đánh giá SP DD: CP NVL C = [(1.750.000 + 262.900.000 – 2.000.000) : (3.000 + 400)] x 400 = 30.900.000	0,2
	CP NVL P = [(1.120.000 + 26.880.000 – 1.000.000) : (3.000 + 400 x 60%)] x (400 x 60%) = 2.000.000	0,2
	CP NC TT = [(915.000 + 185.250.000) : (3.000 + 400 x 60%)] x (400 x 60%) = 13.790.000	0,2
	CP SXC = [(1.040.000 + 85.630.000) : (3.000 + 400 x 60%)] x (400 x 60%) = 6.420.000	0,2

		CP DD CK = (30.900.000 + 2.000.000) + 13.790.000 + 6.420.000 = 53.110.000	0,2
Tổng điểm câu 1			6,0đ
2	1/	Quy đổi sản phẩm $Q_H = \sum Q_{i \times H_i} = 2.000 \times 1 + 1.000 \times 1,4 = 3.400 \text{ sp}$	0,25
	2/	Quy đổi sản phẩm dở dang $Q_{DC} = \sum Q_{D_i \times H_i} = 100 \times 1 + 50 \times 1,4 = 170 \text{ sp}$ $Q'_{DC} = \sum Q_{D_i \times H_i \times \%HT_i} = 100 \times 1 \times 80\% + 50 \times 1,4 \times 80\% = 136 \text{ sp}$	0,5
	3/	Đánh giá SPDD: - Chi phí nguyên vật liệu chính: $CQ_{DCVLC} = \frac{14.500.000 + 138.800.000}{3.400 + 170} \times 170 = 7.300.000$	0,5
		- Chi phí vật liệu phụ: $CQ_{DCVLP} = \frac{9.200.000 + 74.000.000}{3.400 + 136} \times 136 = 3.200.000$	0,5
		- Tổng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ: $\Rightarrow CQ_{DC} = 7.300.000 + 3.200.000 = 10.500.000$	0,25
	4/	Tính tổng giá thành sản phẩm chuẩn: $Z_C = CQ_{DB} + C_{PS} - CQ_{DC} - \text{phế liệu (nếu có)}$ $Z = 23.700.000 + 379.000.000 - 10.500.000 - 1.200.000 = 391.000.000$	0,25
	5/	Tính giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn: $Z_C = \frac{Z}{Q_H} = \frac{391.000.000}{3.400} = 115.000 \text{ đồng/sp}$	0,25
	6/	Tính tổng giá thành từng loại sản phẩm: $Z_i = z \times Q_i \times H_i$ $Z_A = 115.000 \times 1.000 \times 1,4 = 161.000.000$ $Z_B = 115.000 \times 2.000 \times 1 = 230.000.000$	0,25

7/	Tính giá thành đơn vị từng sản phẩm: $Z_A = \frac{Z_A}{Q_A} = \frac{161.000.000}{1.000} = 161.000\text{đồng/sp}$ $Z_B = \frac{Z_B}{Q_B} = \frac{230.000.000}{2.000} = 115.000\text{đồng/sp}$				0,25																																																							
8/	Lập phiếu tính giá thành sản phẩm: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>CPNVLTT</th><th>CPNCTT</th><th>CPSXC</th><th>Tổng cộng</th></tr><tr><td>Dở dang ĐK</td><td>23.700.000</td><td>0</td><td>0</td><td>23.700.000</td></tr><tr><td>PS trong kỳ</td><td>212.800.000</td><td>110.700.000</td><td>55.500.000</td><td>379.000.000</td></tr><tr><td>Dở dang CK</td><td>10.500.000</td><td>0</td><td>0</td><td>10.500.000</td></tr><tr><td>PL thu hồi</td><td>1.200.000</td><td>0</td><td>0</td><td>1.200.000</td></tr><tr><td>Tổng giá thành SP chuẩn</td><td>224.800.000</td><td>110.700.000</td><td>55.500.000</td><td>391.000.000</td></tr><tr><td>Giá thành đơn vị SP chuẩn</td><td>66.118</td><td>32.559</td><td>16.324</td><td>115.000</td></tr><tr><td>Tổng GT SP A</td><td>92.564.706</td><td>45.582.353</td><td>22.852.941</td><td>161.000.000</td></tr><tr><td>GT đv SP A</td><td>92.565</td><td>45.582</td><td>22.853</td><td>161.000</td></tr><tr><td>Tổng GT SP B</td><td>132.235.294</td><td>65.117.647</td><td>32.647.059</td><td>230.000.000</td></tr><tr><td>GT đv SP B</td><td>66.118</td><td>32.559</td><td>16.324</td><td>115.000</td></tr></table>				Chỉ tiêu	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng	Dở dang ĐK	23.700.000	0	0	23.700.000	PS trong kỳ	212.800.000	110.700.000	55.500.000	379.000.000	Dở dang CK	10.500.000	0	0	10.500.000	PL thu hồi	1.200.000	0	0	1.200.000	Tổng giá thành SP chuẩn	224.800.000	110.700.000	55.500.000	391.000.000	Giá thành đơn vị SP chuẩn	66.118	32.559	16.324	115.000	Tổng GT SP A	92.564.706	45.582.353	22.852.941	161.000.000	GT đv SP A	92.565	45.582	22.853	161.000	Tổng GT SP B	132.235.294	65.117.647	32.647.059	230.000.000	GT đv SP B	66.118	32.559	16.324	115.000	1,0
Chỉ tiêu	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng cộng																																																								
Dở dang ĐK	23.700.000	0	0	23.700.000																																																								
PS trong kỳ	212.800.000	110.700.000	55.500.000	379.000.000																																																								
Dở dang CK	10.500.000	0	0	10.500.000																																																								
PL thu hồi	1.200.000	0	0	1.200.000																																																								
Tổng giá thành SP chuẩn	224.800.000	110.700.000	55.500.000	391.000.000																																																								
Giá thành đơn vị SP chuẩn	66.118	32.559	16.324	115.000																																																								
Tổng GT SP A	92.564.706	45.582.353	22.852.941	161.000.000																																																								
GT đv SP A	92.565	45.582	22.853	161.000																																																								
Tổng GT SP B	132.235.294	65.117.647	32.647.059	230.000.000																																																								
GT đv SP B	66.118	32.559	16.324	115.000																																																								
Tổng điểm câu 2					4,0đ																																																							